

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 427/QĐ-CDKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo  
Ngành Quản lý công nghiệp, trình độ cao đẳng

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CDKT ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 03 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Quản lý công nghiệp**

Mã ngành: **6510601**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **87 tín chỉ**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 – 2022.

**Điều 3.** Trường các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.





## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 42X/QĐ-CDKT ngày 15. tháng 5. năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

|                       |                                                            |
|-----------------------|------------------------------------------------------------|
| Tên ngành, nghề:      | <b>Quản lý công nghiệp</b>                                 |
| Mã ngành, nghề:       | <b>6510601</b>                                             |
| Trình độ đào tạo:     | <b>Cao đẳng</b>                                            |
| Hình thức đào tạo:    | <b>Chính quy</b>                                           |
| Đối tượng tuyển sinh: | <b>Tốt nghiệp trung học phổ thông<br/>hoặc tương đương</b> |
| Thời gian đào tạo:    | <b>2,5 năm</b>                                             |

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành **Quản lý Công nghiệp** nhằm cung ứng cho xã hội đội ngũ lao động có tiềm năng làm các nhà quản trị trong các công ty và tổ chức thuộc các ngành khác nhau, bao gồm cả sản xuất và dịch vụ. Đào tạo những cử nhân kinh tế có kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành ở cả 2 lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật, có khả năng quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực (sản xuất, nhân sự, bán hàng...). Có khả năng phân tích, tổng hợp và xử lý vấn đề một cách có logic; kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được các vấn đề cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và triển khai các hoạt động marketing thương mại điện tử.
- Mô tả các nghiệp vụ kế toán cơ bản, diễn giải các loại chứng từ kế toán và khái quát được quy tắc ghi sổ và phương pháp sửa sổ.
- Giải thích được quy luật cung cầu, sự hình thành giá cả cân bằng trên thị trường, sự thay đổi giá cân bằng trên thị trường, phản ứng của người tiêu dùng và các chính sách can thiệp của chính phủ vào thị trường.
- Xác định được kết cấu các bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp và giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244-2245.
- Trình bày được các chiến lược hoạch định tổng hợp và các phương pháp phối hợp nguồn lực đầu vào một cách hiệu quả; công tác quản trị hàng tồn kho; lập lịch trình sản



xuất hợp lý cho doanh nghiệp.

- Trình bày được những nguyên tắc, nội dung của các phương pháp và công cụ kiểm soát chất lượng.
- Mô tả được mối quan hệ chi phí – lợi nhuận trong việc phân tích điểm hòa vốn, phân tích kết cấu chi phí, kết cấu hàng bán, hoạch định lợi nhuận.
- Giải thích được quy trình, tiêu chí và các phương pháp cơ bản trong đánh giá và lựa chọn công nghệ.
- Mô tả được nguyên lý hoạt động của một số mạch điện, điện tử đơn giản.
- Vẽ được bản vẽ kỹ thuật bằng máy tính và thiết kế các mạch ứng dụng thủy lực và khí nén đơn giản trong sản xuất.
- Giải thích được nguyên lý hoạt động của các mạch điện – điện tử trong một số hệ thống công nghiệp đơn giản.
- Giải thích được nội dung cơ bản của hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp từ lúc hình thành nguồn nhân lực đến việc tổ chức sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.
- Giải thích được nội dung cơ bản của hoạt động quản trị bán hàng trong doanh nghiệp như: lập kế hoạch bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp, tuyển dụng, đào tạo nhân viên bán hàng, tạo động lực cho nhân viên bán hàng và kiểm soát hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

#### 1.2.2 Kỹ năng:

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và có khả năng tìm hiểu vấn đề trong lĩnh vực quản lý công nghiệp thông qua các tài liệu bằng tiếng Anh
- Lập được kế hoạch cho một công việc cụ thể, nhận diện được cấu trúc tổ chức và lựa chọn được phong cách lãnh đạo phù hợp với doanh nghiệp.
- Đánh giá được ưu, nhược điểm của từng loại hình doanh nghiệp để lựa chọn loại hình doanh nghiệp cho phù hợp với mong muốn của nhà đầu tư.
- Vận dụng các phương pháp thống kê trong công tác quản lý kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động quản trị nói riêng.
- Xây dựng các chiến lược marketing mix, định hướng hoạt động của doanh nghiệp.
- Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động, sơ cứu, cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn.
- Sử dụng phương pháp quản trị nguồn nhân lực phù hợp trong doanh nghiệp và dự báo được nhu cầu nhân sự của doanh nghiệp.
- Tổ chức được nhóm làm việc hiệu quả, có khả năng giải quyết vấn đề, thương lượng; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Tra cứu tính chất của vật liệu, lựa chọn phương pháp để nâng cao tính chất của vật liệu và lựa chọn được công nghệ gia công phù hợp với sản phẩm

- Xác định được vị trí của hệ thống điều khiển trong dây chuyền sản xuất.
- Thực hiện dũa, cưa, khoan, cắt ren và sử dụng được các máy Tiện, Phay, Khoan để gia công một số chi tiết điển hình
- So sánh và lựa chọn hệ thống quản lý bảo trì cho đơn vị, nêu được trình tự các bước thực hiện bảo trì, vận hành, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử trong sinh hoạt và công nghiệp
- Phân tích được những chính sách có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được các bước trong tiến trình xây dựng, lựa chọn, triển khai, đánh giá chiến lược của doanh nghiệp.
- Lập kế hoạch bán hàng và triển khai hoạt động bán hàng có hiệu quả.

### *1.2.3 Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nguồn nhân lực, quản trị bán hàng, quản trị công nghệ và công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định về Kỹ Thuật An Toàn trong sản xuất.
- Tinh thần sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, đào tạo và phát triển người kế thừa và ý thức phối hợp, hỗ trợ đồng nghiệp.

### *1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:*

- Quản lý kho, chuyên viên quản lý chất lượng, chuyên viên kế hoạch sản xuất, chuyên viên quản lý/phụ trách sản xuất.
- Chuyên viên hành chính nhân sự, quản lý bán hàng, quản lý cửa hàng/siêu thị mini,...

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học: **36**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **87** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: **435** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1590** giờ
- Khối lượng học tập:
  - + Lý thuyết: **699** giờ;
  - + Thực hành, thực tập: **1326** giờ.



## 3. Nội dung chương trình:

| Mã môn học | Tên môn học                          | Số tín chỉ       | Thời gian học tập (giờ) |            |             |           |
|------------|--------------------------------------|------------------|-------------------------|------------|-------------|-----------|
|            |                                      |                  | Tổng số                 | Lý thuyết  | Thực hành   | Kiểm tra  |
| <b>I</b>   | <b>Môn học chung đại cương</b>       | <b>20(11,9)</b>  | <b>435</b>              | <b>175</b> | <b>239</b>  | <b>21</b> |
| MH01       | Giáo dục Chính trị                   | 4(3,1)           | 75                      | 41         | 29          | 5         |
| MH02       | Pháp luật                            | 2(2,0)           | 30                      | 18         | 10          | 2         |
| MH03       | Tin học                              | 3(1,2)           | 75                      | 15         | 58          | 2         |
| MH04       | Tiếng Anh (1)                        | 3(2,1)           | 60                      | 30         | 28          | 2         |
| MH05       | Tiếng Anh (2)                        | 3(2,1)           | 60                      | 30         | 28          | 2         |
| MH06       | Giáo dục thể chất 1 (*)              | 1(0,1)           | 30                      | 3          | 25          | 2         |
| MH07       | Giáo dục thể chất 2 (*)              | 1(0,1)           | 30                      | 2          | 26          | 2         |
| MH08       | Giáo dục Quốc phòng và an ninh (*)   | 3(1,2)           | 75                      | 36         | 35          | 4         |
| <b>II</b>  | <b>Môn học giáo dục nghề nghiệp</b>  | <b>67(35,32)</b> | <b>1590</b>             | <b>524</b> | <b>1010</b> | <b>56</b> |
|            | <i>Môn học chung cơ sở ngành</i>     | <i>14(7,7)</i>   | <i>315</i>              | <i>105</i> | <i>196</i>  | <i>14</i> |
| MH09       | Nguyên lý kế toán                    | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
| MH10       | Quản trị học                         | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
| MH11       | Kinh tế vi mô                        | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
| MH12       | Pháp luật kinh tế                    | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
| MH13       | Nguyên lý thống kê                   | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
| MH14       | Vẽ kỹ thuật                          | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
| MH15       | Marketing căn bản                    | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |
|            | <i>Môn học bắt buộc chuyên ngành</i> | <i>41(22,19)</i> | <i>1005</i>             | <i>329</i> | <i>646</i>  | <i>30</i> |
| MH16       | Anh văn chuyên ngành QLCN            | 3(2,1)           | 60                      | 30         | 28          | 2         |
| MH17       | An toàn lao động                     | 2(2,0)           | 30                      | 29         | 0           | 1         |
| MH18       | Quản trị sản xuất                    | 2(1,1)           | 45                      | 15         | 28          | 2         |

|      |                                                                        |                |            |           |            |           |
|------|------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|-----------|------------|-----------|
| MH19 | Quản trị nguồn nhân lực                                                | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH20 | Quản lý chất lượng                                                     | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH21 | Quản trị tài chính                                                     | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH22 | Quản trị chiến lược                                                    | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH23 | Quản lý và kỹ thuật bảo trì công nghiệp                                | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH24 | Quản trị công nghệ                                                     | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH25 | Kỹ thuật cơ khí                                                        | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH26 | Kỹ thuật Điện – Điện tử                                                | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH27 | Tự động hóa quá trình sản xuất                                         | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH28 | Thương mại điện tử trong kinh doanh                                    | 3(2,1)         | 60         | 30        | 28         | 2         |
| MH29 | Thực tập Cơ – Điện                                                     | 3(0,3)         | 135        | 0         | 130        | 5         |
| MH30 | Thực tập cuối khóa                                                     | 4(0,4)         | 180        | 0         | 180        | 0         |
|      | <b>Môn học tự chọn chuyên ngành<br/>(Chọn 2 trong 3 nhóm môn sau):</b> | <b>12(6,6)</b> | <b>270</b> | <b>90</b> | <b>168</b> | <b>12</b> |
|      | <b>Nhóm môn tự chọn 1</b>                                              | <b>6(3,3)</b>  | <b>135</b> | <b>45</b> | <b>84</b>  | <b>6</b>  |
| MH31 | Đồ họa kỹ thuật trên máy tính (CAD)                                    | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH32 | Truyền động thủy lực và khí nén                                        | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH33 | Trang bị điện – điện tử trong máy công nghiệp                          | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
|      | <b>Nhóm môn tự chọn 2</b>                                              | <b>6(3,3)</b>  | <b>135</b> | <b>45</b> | <b>84</b>  | <b>6</b>  |
| MH34 | Tâm lý học quản lý                                                     | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH35 | Kỹ năng quản lý nhân sự                                                | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
| MH36 | Nghệ thuật lãnh đạo                                                    | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |
|      | <b>Nhóm môn tự chọn 3</b>                                              | <b>6(3,3)</b>  | <b>135</b> | <b>45</b> | <b>84</b>  | <b>6</b>  |
| MH37 | Nghiep vụ bán hàng                                                     | 2(1,1)         | 45         | 15        | 28         | 2         |



|                  |                    |                  |             |            |             |           |
|------------------|--------------------|------------------|-------------|------------|-------------|-----------|
| MH38             | Quản trị bán hàng  | 2(1,1)           | 45          | 15         | 28          | 2         |
| MH39             | Khởi nghiệp bán lẻ | 2(1,1)           | 45          | 15         | 28          | 2         |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>87(46,41)</b> | <b>2025</b> | <b>699</b> | <b>1249</b> | <b>77</b> |

\* Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm)

\* Bảng ma trận môn học trước (đính kèm)

\* Bảng ma trận chuẩn đầu ra (đính kèm)

\* Bảng quy đổi môn học thay thế (đính kèm)

#### **4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:**

##### **4.1. Tổ chức giảng dạy các môn học:**

– Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

– Một tiết học trong nhà trường được tổ chức giảng dạy trong 45 phút; môn học có thời lượng  $\leq 45$  giờ thì có tối thiểu 03 giờ ôn tập và môn học có thời lượng  $> 45$  giờ thì có tối thiểu 06 giờ ôn tập.

– Môn học Giáo dục thể chất (1) và Giáo dục thể chất (2) được bố trí giảng dạy trong học kỳ I và học kỳ II của năm đầu tiên khóa học.

– Môn học Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí vào thời điểm thích hợp theo thỏa thuận của nhà trường và đơn vị có chức năng đào tạo.

– Sinh viên phải đăng ký học các môn học: Quản lý và kỹ thuật bảo trì công nghiệp, Tự động hóa quá trình sản xuất, quản trị sản xuất và tích lũy tối thiểu trên 50 tín chỉ mới được đăng ký môn học Thực tập cuối khóa.

– Vào học kỳ đầu tiên của khóa học, nhà trường sẽ bố trí một tuần để sinh viên được đi kiến tập thực tế tại doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên định hình với nghề nghiệp trong tương lai.

##### **4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học:**

– Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức sau khi kết thúc buổi học cuối cùng tối thiểu là 1 tuần sau khi người học đã được xét điều kiện dự thi theo quy định.

– Thời gian kiểm tra kết thúc môn học được tổ chức trong buổi học cuối cùng, giảng viên có trách nhiệm công bố kết quả xét điều kiện dự thi cho sinh viên trước tuần cuối cùng một tuần.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA**



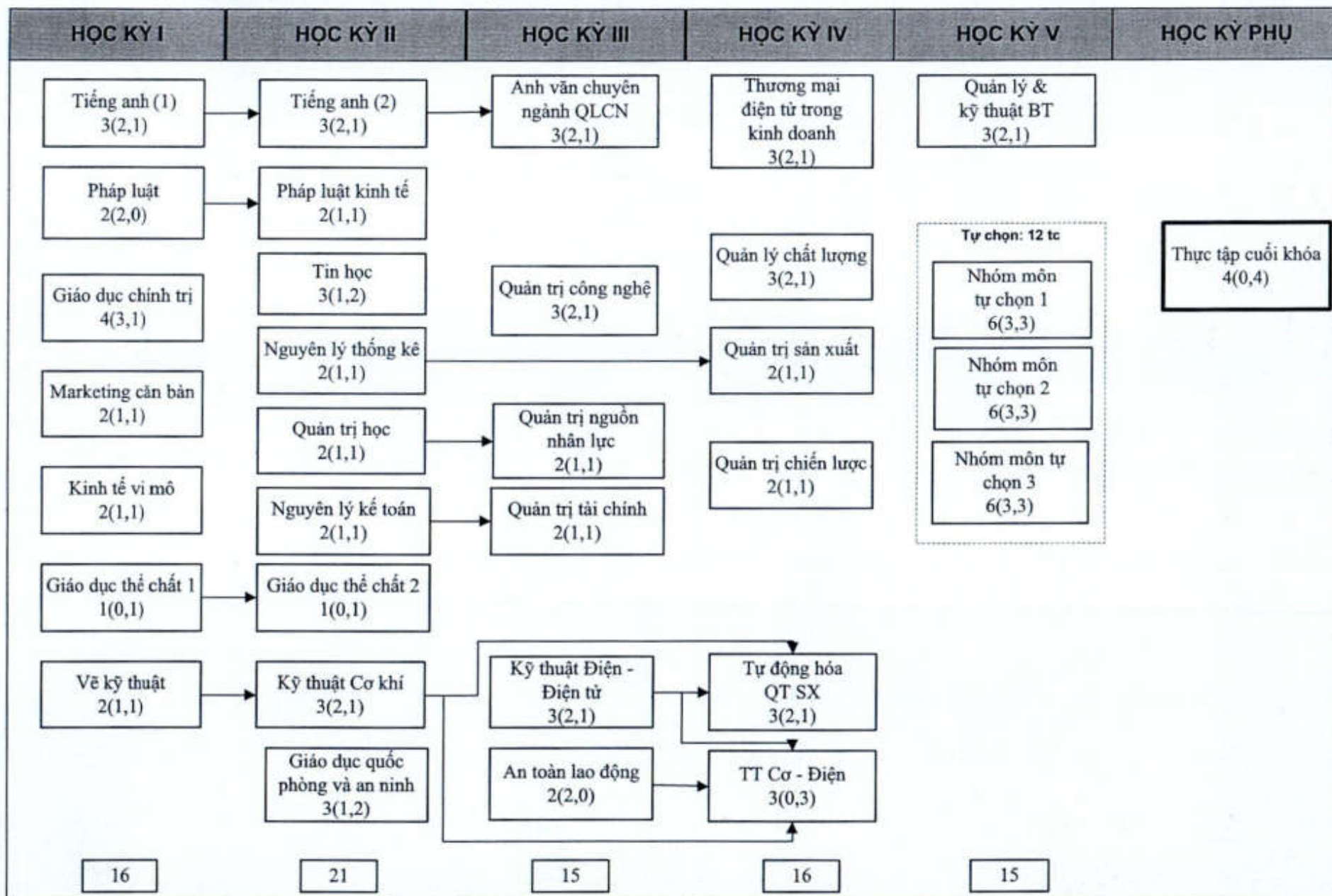
**Trần Văn Tú**

**Hồ Nguyễn Cúc Phương**

# SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC

(Kèm theo quyết định số 427/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP.Hồ Chí Minh)

Tên ngành: **Quản lý công nghiệp**; Mã ngành: **6510601**





## BẢNG MA TRẬN MÔN HỌC TRƯỚC

(Kèm theo quyết định số 424/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 1 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

| Stt | Tên môn học               | Tên môn học trước  | Các nội dung liên quan                                                                                                                     | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Tiếng Anh (2)             | Tiếng Anh (1)      | - Unit 1: People<br>- Unit 3: Places<br>- Unit 4: Free Time                                                                                |         |
| 2   | Anh văn chuyên ngành QLCN | Tiếng Anh (2)      | - Unit 7: Journey<br>- Unit 8: Appearance<br>- Unit 9: Film and Art<br>- Unit 10: Science<br>- Unit 11: Tourism<br>- Unit 12: The Earth    |         |
| 3   | Pháp luật kinh tế         | Pháp luật          | - Bài 1: Những vấn đề chung về Nhà nước và Pháp luật<br>- Bài 3: Pháp luật lao động<br>- Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng |         |
| 4   | Quản trị sản xuất         | Nguyên lý thống kê | - Chương 2: Các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội<br>- Chương 3: Sự biến động của hiện tượng kinh tế xã hội                             |         |
| 5   | Quản trị nguồn nhân lực   | Quản trị học       | - Chương 2: Chức năng hoạch định<br>- Chương 3: Chức năng tổ chức<br>- Chương 4: Chức năng lãnh đạo                                        |         |
| 6   | Quản trị tài chính        | Nguyên lý kế toán  | - Chương 2: Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                                                                   |         |

| Stt | Tên môn học                    | Tên môn học trước       | Các nội dung liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương 5: Tính giá các đối tượng kế toán</li> <li>- Chương 6: Chứng từ kế toán và kiểm kê</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 7   | Kỹ thuật cơ khí                | Vẽ kỹ thuật             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương 1: Vẽ kỹ thuật</li> <li>- Chương 2: Dung sai</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |
| 8   | Tự động hóa quá trình sản xuất | Kỹ thuật cơ khí         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương 1: Vật liệu cơ khí</li> <li>- Chương 2: Công nghệ kim loại</li> <li>- Chương 3: Công nghệ chế tạo chi tiết máy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |
| 9   | Tự động hóa quá trình sản xuất | Kỹ thuật Điện – Điện tử | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài 2: Mạch điện hình sin ở chế độ xác lập</li> <li>- Bài 3: Phương pháp phân tích mạch điện tuyến tính ở chế độ xác lập</li> <li>- Bài 4: Mạch điện ba pha</li> <li>- Bài 5: Máy điện</li> <li>- Bài 6: Khái niệm chung về điều khiển máy điện</li> <li>- Bài 7: Linh kiện điện tử và vi mạch</li> <li>- Bài 8: Một số ứng dụng của Diot</li> <li>- Bài 9: Mạch khuếch đại tín hiệu</li> <li>- Bài 10: Kỹ thuật điện tử số</li> <li>- Bài 11: Biến đổi số-tương tự và biến đổi tương tự-số, bộ vi xử lý</li> <li>- Bài 12: Mạch nguồn cung cấp 1 chiều</li> </ul> |         |
| 10  | Thực tập Cơ – Điện             | Kỹ thuật cơ khí         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương 1: Vật liệu cơ khí</li> <li>- Chương 2: Công nghệ kim loại</li> <li>- Chương 3: Công nghệ chế tạo chi tiết máy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |



| Stt | Tên môn học        | Tên môn học trước       | Các nội dung liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 11  | Thực tập Cơ – Điện | Kỹ thuật Điện – Điện tử | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài 2: Mạch điện hình sin ở chế độ xác lập</li> <li>- Bài 3: Phương pháp phân tích mạch điện tuyến tính ở chế độ xác lập</li> <li>- Bài 4: Mạch điện ba pha</li> <li>- Bài 5: Máy điện</li> <li>- Bài 6: Khái niệm chung về điều khiển máy điện</li> <li>- Bài 7: Linh kiện điện tử và vi mạch</li> <li>- Bài 8: Một số ứng dụng của Diot</li> <li>- Bài 9: Mạch khuếch đại tín hiệu</li> <li>- Bài 10: Kỹ thuật điện tử số</li> <li>- Bài 11: Biến đổi số-tương tự và biến đổi tương tự-số, bộ vi xử lý</li> <li>- Bài 12: Mạch nguồn cung cấp 1 chiều</li> </ul> |         |
| 12  | Thực tập Cơ – Điện | An toàn lao động        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài 4: Kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động</li> <li>- Bài 5: Kỹ thuật an toàn khi sửa chữa máy</li> <li>- Bài 6: Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí</li> <li>- Bài 7: Kỹ thuật an toàn điện, phòng chống cháy nổ và sử dụng thiết bị nâng hạ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |

## BẢNG MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo quyết định số 427/QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1. Kiến thức:

101. Trình bày được các vấn đề cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.
102. Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và triển khai các hoạt động marketing thương mại điện tử.
103. Mô tả các nghiệp vụ kế toán cơ bản, diễn giải các loại chứng từ kế toán và khái quát được quy tắc ghi sổ và phương pháp sửa sổ.
104. Giải thích được quy luật cung cầu, sự hình thành giá cả cân bằng trên thị trường, sự thay đổi giá cân bằng trên thị trường, phản ứng của người tiêu dùng và các chính sách can thiệp của chính phủ vào thị trường.
105. Xác định được kết cấu các bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp và giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244-2245.
106. Trình bày được các chiến lược hoạch định tổng hợp và các phương pháp phối hợp nguồn lực đầu vào một cách hiệu quả; công tác quản trị hàng tồn kho; lập lịch trình sản xuất hợp lý cho doanh nghiệp.
107. Trình bày được những nguyên tắc, nội dung của các phương pháp và công cụ kiểm soát chất lượng.
108. Mô tả được mối quan hệ chi phí – lợi nhuận trong việc phân tích điểm hòa vốn, phân tích kết cấu chi phí, kết cấu hàng bán, hoạch định lợi nhuận.
109. Giải thích được quy trình, tiêu chí và các phương pháp cơ bản trong đánh giá và lựa chọn công nghệ.
110. Mô tả được nguyên lý hoạt động của một số mạch điện, điện tử đơn giản
111. Vẽ được bản vẽ kỹ thuật bằng máy tính và thiết kế các mạch ứng dụng thủy lực và khí nén đơn giản trong sản xuất
112. Giải thích được nguyên lý hoạt động của các mạch điện – điện tử trong một số hệ thống công nghiệp đơn giản
113. Giải thích được nội dung cơ bản của hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp từ lúc hình thành nguồn nhân lực đến việc tổ chức sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.



114. Giải thích được nội dung cơ bản của hoạt động quản trị bán hàng trong doanh nghiệp như: lập kế hoạch bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp, tuyển dụng, đào tạo nhân viên bán hàng, tạo động lực cho nhân viên bán hàng và kiểm soát hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

### **1.2. Kỹ năng:**

201. Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và có khả năng tìm hiểu vấn đề trong lĩnh vực quản lý công nghiệp thông qua các tài liệu bằng tiếng Anh

202. Lập được kế hoạch cho một công việc cụ thể, nhận diện được cấu trúc tổ chức và lựa chọn được phong cách lãnh đạo phù hợp với doanh nghiệp.

203. Đánh giá được ưu, nhược điểm của từng loại hình doanh nghiệp để lựa chọn loại hình doanh nghiệp cho phù hợp với mong muốn của nhà đầu tư.

204. Vận dụng các phương pháp thống kê trong công tác quản lý kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động quản trị nói riêng.

205. Xây dựng các chiến lược marketing mix, định hướng hoạt động của doanh nghiệp.

206. Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động, sơ cứu, cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn.

207. Sử dụng phương pháp quản trị nguồn nhân lực phù hợp trong doanh nghiệp và dự báo được nhu cầu nhân sự của doanh nghiệp.

208. Tổ chức được nhóm làm việc hiệu quả, có khả năng giải quyết vấn đề, thương lượng; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

209. Tra cứu tính chất của vật liệu, lựa chọn phương pháp để nâng cao tính chất của vật liệu và lựa chọn được công nghệ gia công phù hợp với sản phẩm

210. Xác định được vị trí của hệ thống điều khiển trong dây chuyền sản xuất.

211. Thực hiện dũa, cưa, khoan, cắt ren và sử dụng được các máy Tiện, Phay, Khoan để gia công một số chi tiết điển hình

212. So sánh và lựa chọn hệ thống quản lý bảo trì cho đơn vị, nêu được trình tự các bước thực hiện bảo trì, vận hành, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử trong sinh hoạt và công nghiệp

213. Phân tích được những chính sách có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp.

214. Mô tả và phân tích được các bước trong tiến trình xây dựng, lựa chọn, triển khai, đánh giá chiến lược của doanh nghiệp.

2.15. Lập kế hoạch bán hàng và triển khai hoạt động bán hàng có hiệu quả.

301. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
302. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nguồn nhân lực, quản trị bán hàng, quản trị công nghệ và công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.
303. Thực hiện nghiêm túc các quy định về Kỹ Thuật An Toàn trong sản xuất.
304. Tinh thần sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, đào tạo và phát triển người kế thừa và ý thức phối hợp, hỗ trợ đồng nghiệp.

## 2. Bảng ma trận chuẩn đầu ra:

[illegible]





|          | 10<br>1 | 10<br>2 | 10<br>3 | 10<br>4 | 10<br>5 | 10<br>6 | 10<br>7 | 10<br>8 | 10<br>9 | 11<br>0 | 11<br>1 | 11<br>2 | 11<br>3 | 11<br>4 | 20<br>1 | 20<br>2 | 20<br>3 | 20<br>4 | 20<br>5 | 20<br>6 | 20<br>7 | 20<br>8 | 20<br>9 | 21<br>0 | 21<br>1 | 21<br>2 | 21<br>3 | 21<br>4 | 21<br>5 |
|----------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| MH<br>17 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| MH<br>18 |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| MH<br>19 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |
| MH<br>20 |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| MH<br>21 |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |
| MH<br>22 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |
| MH<br>23 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |
| MH<br>24 |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| MH<br>25 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |
| MH<br>26 |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
ĐÀ NẴNG





|          | 10<br>1 | 10<br>2 | 10<br>3 | 10<br>4 | 10<br>5 | 10<br>6 | 10<br>7 | 10<br>8 | 10<br>9 | 11<br>0 | 11<br>1 | 11<br>2 | 11<br>3 | 11<br>4 | 20<br>1 | 20<br>2 | 20<br>3 | 20<br>4 | 20<br>5 | 20<br>6 | 20<br>7 | 20<br>8 | 20<br>9 | 21<br>0 | 21<br>1 | 21<br>2 | 21<br>3 | 21<br>4 | 21<br>5 |
|----------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| MH<br>38 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |
| MH<br>39 |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         |         | X       |



## BẢNG QUY ĐỔI MÔN HỌC THAY THẾ

(Kèm theo quyết định số ~~427~~ /QĐ-CDKT ngày 15 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh)

| Stt | Mã MH (cũ) | Khóa | Tên môn học (cũ)               | TC | Tên môn học (mới)                   | Mã MH (mới) | TC | Ghi chú |
|-----|------------|------|--------------------------------|----|-------------------------------------|-------------|----|---------|
| 1   | MH1104     | 15   | Ngoại ngữ 1                    | 3  | Tiếng Anh (1)                       | MH04        | 3  |         |
| 2   | MH1104     | 16   | Ngoại ngữ 1                    | 3  | Tiếng Anh (1)                       | MH04        | 3  |         |
| 3   | MH1104     | 15   | Ngoại ngữ 2                    | 3  | Tiếng Anh (2)                       | MH05        | 3  |         |
| 4   | MH1104     | 16   | Ngoại ngữ 2                    | 3  | Tiếng Anh (2)                       | MH05        | 3  |         |
| 5   | MH2201     | 15   | Ngoại ngữ chuyên ngành         | 3  | Anh văn chuyên ngành QLCN           | MH16        | 3  |         |
| 6   | MH2201     | 16   | Ngoại ngữ chuyên ngành         | 3  | Anh văn chuyên ngành QLCN           | MH16        | 3  |         |
| 7   | MH2202     | 15   | Phân tích hoạt động kinh doanh | 2  | Nghiệp vụ bán hàng                  | MH37        | 2  |         |
| 8   | MH2202     | 16   | Phân tích hoạt động kinh doanh | 2  | Nghiệp vụ bán hàng                  | MH37        | 2  |         |
| 9   | MH2210     | 15   | Hệ thống thông tin quản lý     | 3  | Thương mại điện tử trong kinh doanh | MH28        | 3  |         |
| 10  | MH2210     | 16   | Hệ thống thông tin quản lý     | 3  | Thương mại điện tử trong kinh doanh | MH28        | 3  |         |
| 11  | MH2215     | 15   | Thực tập cơ khí đại cương      | 2  | Thực tập cơ - điện                  | MH29        | 3  |         |
| 12  | MH2215     | 16   | Thực tập cơ khí đại cương      | 2  | Thực tập cơ - điện                  | MH29        | 3  |         |
| 13  | MH2216     | 15   | Thực tập điện – điện tử        | 2  | Thực tập cơ - điện                  | MH29        | 3  |         |

| Stt | Mã MH<br>(cũ) | Khóa | Tên môn học (cũ)        | TC | Tên môn học (mới)  | Mã MH<br>(mới) | TC | Ghi chú |
|-----|---------------|------|-------------------------|----|--------------------|----------------|----|---------|
| 14  | MH2216        | 16   | Thực tập điện – điện tử | 2  | Thực tập cơ - điện | MH29           | 3  |         |
| 15  | MH2206        | 15   | Quản trị chất lượng     | 2  | Quản lý chất lượng | MH20           | 3  |         |
| 16  | MH2206        | 16   | Quản trị chất lượng     | 2  | Quản lý chất lượng | MH20           | 3  |         |